

Bản án số:08/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 08-02-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Mai Đình Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thế Hải

Ông Mai Đức D

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Phạm Viết Chiến – Thư ký Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:** Ông Kim Duy Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 230/2022/ TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về “ Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/HNGĐ - ST ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D – Sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trường Sơn, xã Phú Lâm, thị xã N, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T- Sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trường Sơn, xã Phú Lâm, thị xã N, tỉnh T

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Tchung sống với nhau vào ngày 16/4/1984 nhưng đến ngày 15/9/2022 mới đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, thị xã N, tỉnh T.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, nên giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát, đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng hơn, mặc dù nhiều lần vợ chồng đã trao đổi với nhau nhưng giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng hiện nay ông bà sống ly thân. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Thiện.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ttrình bày: Về thười gian, điều kiện kết hôn như ông D trình bày là đúng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng có quá nhiều bất đồng quan điểm bên cạnh đó bà nghi ngờ ông D có mối quan hệ bất chính ở bên ngoài nên về nhà chửi mắng vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kể từ năm 2020, hiện nay ông bà sống ly thân, bản thân bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn vì tuổi ông bà cũng đã cao bên cạnh đó con cái đã trưởng thành nên bà thấy xấu hổ với con, cháu.

\* Về con chung: Ông D và bà T thống nhất ông bà có 04 người con chung là anh Nguyễn Thanh Dự - Sinh ngày 01/9/1987, chị Nguyễn thị Dung - Sinh ngày 06/10/1988, chị Nguyễn Thị Nhung - Sinh ngày 20/01/1990 và anh Nguyễn Thanh Tuấn - Sinh ngày 10/02/1993. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình nên ông D, bà Tthống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

\* Về tài sản và công nợ: Ông D và bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản xác minh tại thôn Trường Sơn, xã Phú Lâm, thị xã N nơi vợ chồng ông D và bà Tsinh sống khẳng định ông D bà Tcó hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Trường Sơn, xã Phú Lâm, thị xã N, ông D và bà Tchung sống với nhau vào ngày 16/4/1984 nhưng đến ngày 15/9/2022 mới đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thôn không nắm bắt được chỉ biết ông D và bà Tsống không hạnh phúc. Về con chung ông D và bà Tcó 04 con chung nhưng hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thanh D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thiện.

+ Về con chung: Ông D và bà Tcó 4 người con đã thành niên và đã có gia đình riêng, ông D và bà Tkhông yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ: Ông D và bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Thanh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

**[1]** Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Tchung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16/10/1984 nhưng đến ngày 15/9/2022 mới đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Tlà quan hệ hôn nhân hợp pháp.

*\* Xét mâu thuẫn vợ chồng:* Quá trình chung sống, ông D bà Tsống hạnh phúc đến năm 2002 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, giữa hai người không có tiếng nói chung, ngoài ra bà Tnghe ngò ông D có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân. Bà Tthừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn, nhưng bà không đồng ý ly hôn.

Xác minh tại địa phương nơi ông D và bà Tsinh sống khẳng định ông D và bà Tsống không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà Tđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh D.

**[2]** Về con chung: Ông D và bà Tthống nhất vợ chồng 4 người con là Nguyễn Thanh Dự - Sinh ngày 01/9/1987; Nguyễn Thị Dung - Sinh ngày 06/10/1988; Nguyễn Thị Nhung - Sinh ngày 20/01/1990 và Nguyễn Thanh Tuấn - Sinh ngày 10/02/1993. Hiện nay các con đã thành niên và có gia đình riêng việc các cháu ở với ai do các cháu quyết định. Ông D, bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con

**[4]** Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5]** Về án phí: Ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Tđược ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị Tcó 4 người con là anh Nguyễn Thanh Dự, chị Nguyễn Thị Dung, chị Nguyễn Thị Nhung và anh Nguyễn Thanh Tuấn. Hiện nay các con đã thành niên và có gia đình riêng, ông D, bà Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

4. Về án phí: Ông D phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm: 300.000<sup>d</sup> (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000<sup>d</sup> theo biên lai số AA/2021/0012326 ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, ông D đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thế Hải**

**Mai Đức Danh**

**Mai Đình Thuận**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Phú Lâm;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Đình Thuận**



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Học    Nguyễn Văn Tòng**

**Hoàng Thị Hà**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã Tân Dân
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hà**